

Bản án số: 52/2026/HS-ST
Ngày 24-3-2026

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 2 - LẠNG SƠN

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Bàn Văn Tiền.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Bế Đức Thông;

Bà Chu Thị Bồi.

- **Thư ký phiên toà:** Ông Dương Hữu Hà - Thư ký Toà án nhân dân khu vực 2 - Lạng Sơn.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 2 - Lạng Sơn tham gia phiên toà: Ông Nguyễn Thành Luân và ông Phạm Văn Hưng - Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 3 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 2 - Lạng Sơn, tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 15/2026/TLST-HS ngày 12 tháng 02 năm 2026 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 44/2026/QĐXXST-HS ngày 11 tháng 3 năm 2026, đối với bị cáo:

Liều Văn T, tên gọi khác: Không; sinh ngày 12/11/1977 tại tỉnh Lạng Sơn. Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Thôn N, xã H, tỉnh Lạng Sơn; chỗ ở hiện nay: Thôn K, xã H, tỉnh Lạng Sơn; số CCCD: 020077002246, cấp ngày **17/12/2021**; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: 01/12; dân tộc: Nùng; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nông Văn T và bà Liều Thị C; có vợ: Hoàng Thị X; con: Có 02 con, con lớn sinh năm 1999, con nhỏ sinh năm 2004; tiền án, tiền sự: Không có; nhân thân: Ngày 23/4/2013 Công an tỉnh Lạng Sơn quyết định xử phạt vi phạm hành chính số tiền 1.500.000 đồng về hành vi chống người thi hành công vụ, bị cáo đã chấp hành xong ngày **25/4/2013**; chưa bị xử lý kỷ luật. Bị cáo bị bắt tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Lạng Sơn từ ngày 10/9/2025 đến nay, có mặt.

- **Người bào chữa cho bị cáo Liều Văn T:** Bà Phạm Thị T - Luật sư văn phòng Luật H thuộc đoàn Luật sư tỉnh Lạng Sơn, có mặt.

- **Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:** Ủy ban nhân dân xã H, tỉnh Lạng Sơn. Người đại diện hợp pháp: Bà Lý Thị Thu T; chức vụ: Phó Trưởng phòng Kinh tế Ủy ban nhân dân xã H, tỉnh Lạng Sơn, vắng mặt.

- **Người làm chứng:** Bà Hoàng Thị X, sinh năm 1979, có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Năm 2012, Liễu Văn T thuê người đến khu đất đằng sau nhà của gia đình tại thôn *, xã H, tỉnh Lạng Sơn khoan 01 giếng khai thác nước ngầm có độ sâu 63,5m với mục đích khai thác nước sử dụng cho gia đình, việc khoan giếng không xin phép của chính quyền địa phương. Đến năm 2019, có một số hộ dân trên địa bàn xã H liên hệ, hỏi mua nước do bị cáo Liễu Văn T khai thác tại giếng khoan, bị cáo T đồng ý. Sau đó, bị cáo T mua máy bơm, ống nước, xây dựng 01 bể chứa nước phía trên đồi sau nhà và sử dụng điện 3 pha để bơm nước giếng khoan lên bể và nối các đường ống dẫn nước từ bể chứa nước phía sau nhà đến các hộ gia đình có nhu cầu mua nước sử dụng. Hằng ngày bị cáo T cấp một lần khoảng 3 đến 4 giờ đồng hồ cho các hộ dân. Tại mỗi hộ sử dụng nước, bị cáo T lắp đặt các đồng hồ đo nước để tính khối lượng nước làm căn cứ xác định khối lượng nước sử dụng và thu tiền bán nước hàng tháng. Bị cáo T bán nước cho các hộ dân với nhiều mức giá khác nhau, tùy theo từng hộ, mức thấp nhất là 11.000 đồng/m³.

Căn cứ kết quả điều tra xác định: Từ năm 2019 đến tháng 9/2025 bị cáo Liễu Văn T đã khai thác, bán nước trái phép cho 18 hộ dân với tổng khối lượng nước ghi trên đồng hồ là 58.420m³, thu lợi bất chính tổng số tiền 757.374.400 đồng (*hộ dân và số nước các hộ dân đã sử dụng, số tiền đã thanh toán cho bị cáo Liễu Văn T*).

Cơ quan Cảnh sát điều tra, Công an tỉnh Lạng Sơn đã tiến hành trưng cầu Viện Khoa học công nghệ năng lượng và môi trường – Viện hàn lâm khoa học và công nghệ Việt Nam giám định mẫu chất lỏng đã thu giữ tại giếng khoan và bể chứa nước của bị cáo Liễu Văn T.

Tại Báo cáo kết quả kiểm nghiệm số 18622/2025/PKQ và số 18623/PKQ ngày 16/12/2025 của Viện Khoa học công nghệ năng lượng và môi trường kết luận: Các mẫu chất lỏng thu trong giếng khoan tại nhà Liễu Văn T là nước. Hàm lượng nước 99,96%.

Với nội dung sự việc trên, tại bản Cáo trạng số 65/CT-VKSLS-P1 ngày 11/02/2026 của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lạng Sơn đã truy tố bị cáo Liễu Văn T về tội Vi phạm quy định về khai thác tài nguyên theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều 227 Bộ luật Hình sự 2015, sửa đổi bổ sung năm 2025.

Tại phiên tòa bị cáo Liễu Văn T đã thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội theo như bản Cáo trạng đã truy tố đối với bị cáo là đúng người, đúng tội không bị oan sai.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 2 - Lạng Sơn thực hành quyền công tố tại phiên tòa vẫn giữ nguyên quan điểm đã truy tố về tội danh như Cáo trạng đã nêu và đề nghị Hội đồng xét xử: Tuyên bố bị cáo Liễu Văn T phạm tội Vi phạm quy định về khai thác tài nguyên.

1. Về hình phạt chính: Áp dụng điểm a khoản 2 Điều 227; các điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 50; Điều 65 của Bộ luật Hình sự, đề nghị xử phạt bị cáo 02 năm đến 02 năm 06 tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 04 năm đến 05 năm.

2. Về hình phạt bổ sung: Xử phạt tiền đối với bị cáo 70.000.000 đồng đến 80.000.000 đồng.

3. Về xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 47 Bộ luật Hình sự; Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự:

Tịch thu tiêu hủy: 20 đoạn ống nước bằng nhựa, đường kính 04cm, tổng chiều dài 63,22m.

Tịch thu nộp ngân sách Nhà nước 01 máy bơm nước bên ngoài vỏ in chữ DONGYIN đã qua sử dụng, chiều dài 207cm; 18 đồng hồ đo nước; 01 điện thoại di động nhãn hiệu OPPO Reno8T, màu đen, đã qua sử dụng; IMEI 1: 389056 (sáu số cuối); IMEI 2: 589049 (sáu số cuối); gắn sim điện thoại số 0337149238 (những vật chứng trên liên quan đến việc phạm tội).

Trích xuất lưu hồ sơ vụ án những vật chứng liên quan đến phạm tội gồm: 01 túi nhựa niêm phong bên trong chứa 01 quyển sổ da màu nâu, đồ đã qua sử dụng, 01 phiếu kiểm nghiệm nước số 622/PKN-TTKSBT, 01 kết quả thử nghiệm nước số 43/PTN.

Trả cho bị cáo 01 điện thoại di động nhãn hiệu OPPO F5, màu vàng, đã qua sử dụng; IMEI 1: 126692 (sáu số cuối); IMEI 2: 126684 (sáu số cuối) gắn sim điện thoại số 0982554999.

Tịch thu toàn bộ số tiền thu lợi bất chính từ bán nước mà có là 757.374.400 đồng nộp ngân sách Nhà nước. Xác nhận gia đình bị cáo đã nộp đầy đủ số tiền nêu trên tại Thi hành án dân sự tỉnh Lạng Sơn.

Về trách nhiệm dân sự 18 hộ dân không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

Người bào chữa cho bị cáo trình bày: Nhất trí với đề nghị của đại diện Viện kiểm sát về áp dụng điều luật. Tuy nhiên, việc áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét.

Tại phần tranh luận bị cáo không có ý kiến gì tranh luận. Lời nói sau cùng của bị cáo xin Hội đồng xét xử xem xét, giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định của những người tiến hành tố tụng trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự và thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Trong quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa bị cáo, những người tham gia tố tụng không có ý kiến hoặc khiếu nại

về hành vi, quyết định của những người tiến hành tố tụng. Do đó các hành vi, quyết định của những người tiến hành tố tụng trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Việc vắng mặt người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Ủy ban nhân dân xã H, tỉnh Lạng Sơn, Hội đồng xét xử nhận thấy người đại diện hợp pháp của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án đã có đơn xin xét xử vắng mặt, trong hồ sơ đã có đầy đủ lời khai. Xét thấy sự vắng mặt của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Ủy ban nhân dân xã H, tỉnh Lạng Sơn không ảnh hưởng đến việc xét xử vụ án. Căn cứ Điều 292 Bộ luật Tố tụng hình sự, Hội đồng xét xử tiếp tục xét xử vụ án theo đúng quy định của pháp luật.

[3] Về hành vi phạm tội: Căn cứ lời khai của bị cáo, các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, kết quả tranh luận tại phiên tòa có đủ cơ sở xác định: Từ năm 2019 đến tháng 9/2025, tại thôn *, xã H, tỉnh Lạng Sơn, bị cáo Liễu Văn T có hành vi khai thác tài nguyên nước trái phép bán cho 18 hộ dân trên địa bàn xã H, với tổng khối lượng nước là 58.420m³ thu lợi bất chính tổng số tiền 757.374.400 đồng. Như vậy hành vi của bị cáo Liễu Văn T đã đủ yếu tố cấu thành tội Vi phạm quy định về khai thác tài nguyên, quy định tại điểm a khoản 2 Điều 227 Bộ luật Hình sự. Do đó Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lạng Sơn truy tố bị cáo Liễu Văn T về tội Vi phạm quy định về khai thác tài nguyên, theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều 227 Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi bổ sung năm 2025 là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[4] Về hành vi phạm tội của bị cáo là nghiêm trọng, bị cáo là người có đủ năng lực trách nhiệm hình sự, nhận thức được hành vi của mình là vi phạm pháp luật nhưng bị cáo vẫn thực hiện với lỗi cố ý. **Hành vi phạm tội của bị cáo Liễu Văn T đã xâm phạm trật tự quản lý kinh tế của Nhà nước trong hoạt động quản lý, khai thác tài nguyên, ảnh hưởng đến tình hình trị an xã hội vì vậy, cần xử lý nghiêm để giáo dục riêng, đồng thời phòng ngừa chung.** Tuy nhiên khi quyết định hình phạt ngoài việc xem xét tính chất, mức độ hành vi của việc phạm tội còn phải xem xét đến nhân thân, tình tiết tăng nặng, tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự để quyết định hình phạt tương xứng với hành vi mà bị cáo gây ra.

[5] Về nhân thân: Bị cáo chưa có tiền án, tiền sự. Tuy nhiên, ngày 23/4/2013 Công an tỉnh Lạng Sơn quyết định xử phạt vi phạm hành chính số tiền 1.500.000 đồng về hành vi chống người thi hành công vụ. Bị cáo đã chấp hành xong ngày 23/4/2013, đã được xóa và không coi là tiền sự. Bị cáo có trình độ học vấn thấp, 01/12, vì vậy, bị cáo có phần hạn chế về nhận thức, bị cáo nghĩ đơn thuần là khoan giếng để lấy nước sinh hoạt cho gia đình và nếu các hộ gia đình gần đó có nhu cầu lấy nước thì bị cáo lắp đặt ống nước từ bể chứa nước đến các hộ gia đình và bán nước cho các hộ gia đình xung quanh. Bị cáo không biết được việc khoan giếng để lấy nước bán cho các hộ dân mà chưa được cơ quan có thẩm quyền cấp phép là vi phạm pháp luật. Từ nhận thức đó đã dẫn đến bị cáo phạm tội xâm phạm trật tự quản lý kinh tế của Nhà nước trong hoạt động quản lý, khai thác tài nguyên.

[6] Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Ngoài tình tiết định khung bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự nào khác.

[7] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Trong quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa, bị cáo đã thành khẩn khai báo về hành vi phạm tội, bị cáo đã tác động gia đình khắc phục hậu quả số tiền thu lợi bất chính tổng cộng 757.374.400 đồng, trình độ học vấn lớp 01/12 phổ thông. Vì vậy, bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

[8] Từ những đánh giá nêu trên, xét thấy bị cáo được hưởng nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Ngoài ra bị cáo chấp hành đúng chính sách pháp luật và thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ của công dân ở nơi cư trú, có nơi thường trú cụ thể, rõ ràng. Bị cáo có khả năng tự cải tạo và nếu không bắt đi chấp hành hình phạt tù thì không gây nguy hiểm cho xã hội, không ảnh hưởng xấu đến an ninh, trật tự, an toàn xã hội, không ảnh hưởng xấu đến cuộc đấu tranh phòng, chống tội phạm. Bị cáo có đủ điều kiện được hưởng án treo theo quy định của Bộ luật Hình sự. Do đó xử phạt bị cáo mức án tù nhưng cho hưởng án treo cũng là phù hợp, đủ sức răn đe, phòng ngừa chung trong xã hội, đồng thời thể hiện sự khoan hồng của pháp luật.

[9] Về hình phạt bổ sung: Theo biên bản xác minh ngày 25/11/2025 tại Ủy ban nhân dân xã H, tỉnh Lạng Sơn, bị cáo không có tài sản, nên Hội đồng xét xử không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

[10] Về xử lý vật chứng: Căn cứ Điều 47 Bộ luật Hình sự; Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự: Tịch thu tiêu hủy 20 đoạn ống nước bằng nhựa, đường kính 04cm, tổng chiều dài 63,22m; Tịch hóa giá nộp ngân sách Nhà nước 01 máy bơm nước bên ngoài vỏ in chữ DONGYIN đã qua sử dụng, chiều dài 207cm; 18 đồng hồ đo nước; 01 điện thoại di động nhãn hiệu OPPO Reno8T, màu đen, đã qua sử dụng; IMEI 1: 389056 (sáu số cuối); IMEI 2: 589049 (sáu số cuối); gắn sim điện thoại số 0337149238 (*những vật chứng trên liên quan đến việc phạm tội*); trả cho bị cáo 01 điện thoại di động nhãn hiệu OPPO F5, màu vàng, đã qua sử dụng; IMEI 1: 126692 (sáu số cuối); IMEI 2: 126684 (sáu số cuối) gắn sim điện thoại số 0982554999.

[11] Tịch thu nộp ngân sách Nhà nước số tiền thu lợi bất chính do bị cáo bán nước có được tổng cộng là 757.374.400 đồng. Xác nhận bị cáo đã khắc phục hậu quả đầy đủ số tiền nêu trên tại Thi hành án dân sự tỉnh Lạng Sơn.

[12] Trích xuất lưu hồ sơ vụ án những vật chứng liên quan đến phạm tội gồm: 01 túi nhựa niêm phong bên trong chứa 01 quyển sổ da màu nâu, đồ đã qua sử dụng, 01 phiếu kiểm nghiệm nước số 622/PKN-TTKSBT, 01 01 kết quả thử nghiệm nước số 43/PTN.

[13] Về trách nhiệm dân sự 18 hộ dân không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[14] Đại diện Ủy ban nhân dân xã H bà Lý Thị Thu T, phó trưởng phòng Kinh tế trình bày: Đối với việc khoan giếng quy mô hộ gia đình của bị cáo Liễu Văn T không áp dụng thuế phí tài nguyên và các khoản chi phí khác. Đối với hành vi vi phạm của bị cáo Liễu Văn T, yêu cầu bị cáo nộp lại toàn bộ số tiền thu lợi bất hợp pháp có được sung ngân sách Nhà nước theo quy định của pháp luật và thực hiện “Trám lấp giếng” theo quy định. Hội đồng xét xử thấy phần nào đề nghị có căn cứ thì được chấp nhận, phần nào đề nghị không đúng thẩm quyền thì được chấp nhận.

[15] Đối với số tiền thu lợi bất chính do hành vi khoan giếng, khai thác nước dưới đất và bán nước cho các hộ dân của bị cáo đều thực hiện trái phép, không được cơ quan có thẩm quyền cấp phép theo quy định. Do đó, khoản chi phí ban đầu bị cáo đã chi trả như: Tiền khoan giếng, xây bể chứa, lắp đặt máy bơm, đường ống dẫn nước, đồng hồ đo nước, tiền điện duy trì...là các khoản phát sinh trực tiếp từ hành vi vi phạm pháp luật nhằm mục đích thực hiện hành vi phạm tội nên không được coi là chi phí hợp pháp để xem xét giảm trừ khi xác định số tiền thu lợi bất chính. Vì vậy, xác định toàn bộ số tiền bị cáo đã thu là tiền thu lợi bất chính, không khấu trừ các khoản các khoản chi phí đã bỏ ra.

[16] Đối với 18 người mua nước với bị cáo Liễu Văn T, những người này không biết bị cáo Liễu Văn T khai thác nước trái phép nên không không liên quan đến việc phạm tội.

[17] Đối với bà Hoàng Thị X là vợ của bị cáo Liễu Văn T, không có hành vi giúp sức và tham gia khai thác nước trái phép nên không liên quan đến việc phạm tội.

[18] Đề nghị của đại diện Viện kiểm sát về việc giải quyết toàn bộ nội dung vụ án phần nào phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử thì được chấp nhận, phần nào không phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử thì không được chấp nhận.

[19] Đề nghị của người bào chữa cho bị cáo phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[20] Về án phí: Bị cáo bị kết án nên phải chịu án phí theo quy định tại khoản 2 Điều 135, khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

[21] Về quyền kháng cáo: Bị cáo, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo bản án theo quy định tại các Điều 331, Điều 333 Bộ luật Tố tụng hình sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm a khoản 2 Điều 227; khoản 1, khoản 2 và khoản 5 Điều 65; điểm a, b khoản 1 Điều 47; Điều 50; các điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi bổ sung năm 2025;

Căn cứ điểm a, c khoản 2, **điểm a khoản 3** Điều 106; khoản 2 Điều 135; khoản 2 Điều 136; khoản 1 Điều 331; Điều 332; khoản 1 Điều 333; Bộ luật Tố tụng hình sự;

Căn cứ Điểm a khoản 1 Điều 23 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về tội danh: Tuyên bố bị cáo Liễu Văn T phạm tội “Vi phạm quy định về khai thác tài nguyên”.

2. Về hình phạt: Xử phạt bị cáo Liễu Văn T 02 (hai) năm tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách 04 (bốn) năm kể từ ngày tuyên án.

Giao bị cáo cho Ủy ban nhân dân xã H, tỉnh Lạng Sơn, giám sát giáo dục trong thời hạn thử thách. Gia đình bị cáo có trách nhiệm phối hợp với chính quyền địa phương trong việc giám sát, giáo dục bị cáo.

Trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo điều 92 Luật thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, nếu người được hưởng án treo có ý vi phạm nghĩa vụ 2 lần trở lên quy định tại Điều 87 Luật thi hành án hình sự thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo; nếu phạm tội mới trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo và tổng hợp với hình phạt của bản án mới theo quy định của Bộ luật Hình sự hoặc bị xử lý theo quy định tại Điều 93 Luật thi hành án hình sự.

3. Về hình phạt bổ sung: Không áp dụng.

4. Về vật chứng:

4.1. Tịch thu tiêu hủy 20 đoạn ống nước bằng nhựa, đường kính 04cm, tổng chiều dài 63,22m.

4.2. Tịch hóa giá nộp ngân sách Nhà nước: 01 (một) máy bơm **nước** bên ngoài vỏ in chữ DONGYIN đã qua sử dụng, chiều dài 207cm; 18 (mười tám) đồng hồ **đo** nước; 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu OPPO Reno8T, màu đen, đã qua sử dụng; IMEI 1: 389056 (sáu số cuối); IMEI 2: 589049 (sáu số cuối); gắn sim điện thoại số 0337149238.

4.3. Tịch thu nộp ngân sách Nhà nước số tiền thu lợi bất chính do bị cáo bán nước có được tổng cộng là 757.374.400 đồng. Xác nhận bị cáo đã nộp khắc phục hậu quả đầy đủ số tiền 757.374.400 đồng (bảy trăm năm mươi bảy triệu ba trăm bảy mươi tư nghìn bốn trăm đồng) theo các biên lai thu tiền ký hiệu: BLTT/26E, số: 0000209 ngày 05/02/2026; ký hiệu số: BLTT/26E, số: 0000368 ngày 17/3/2026 và biên lai thu tiền ký hiệu số: BLTT/26E, số: 0000369 ngày 17/3/2026 tại Thi hành án dân sự tỉnh Lạng Sơn.

4.4. Trả cho bị cáo: 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu OPPO F5, màu vàng, đã qua sử dụng; IMEI 1: 126692 (sáu số cuối); IMEI 2: 126684 (sáu số cuối) gắn sim điện thoại số 0982554999.

4.5. Trích xuất lưu hồ sơ vụ án những vật chứng liên quan đến phạm tội gồm: 01 (một) túi nhựa niêm phong bên trong chứa 01 (một) quyển sổ **da** màu nâu, đồ đã qua sử dụng, 01 (một) phiếu kiểm nghiệm nước số 622/PKN-TTKSBT, 01 (một) kết quả thử nghiệm nước số 43/PTN.

(Các vật chứng nêu trên đang được lưu giữ tại Phòng Thi hành án dân sự khu vực 2, tỉnh Lạng Sơn theo biên bản giao nhận vật chứng ngày 13 tháng 02 năm 2026 giữa Cơ quan cảnh sát điều tra Công an tỉnh Lạng Sơn và Phòng Thi hành án dân sự khu vực 2, tỉnh Lạng Sơn).

5. Về án phí: Buộc bị cáo phải chịu 200.000 đồng (hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm để nộp ngân sách nhà nước.

6. Quyền kháng cáo: Bị cáo có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Lạng Sơn;
- VKSND tỉnh Lạng Sơn;
- VKSND khu vực 2 - Lạng Sơn;
- PV06, PC10 Công an tỉnh Lạng Sơn;
- Phòng THADS khu vực 2 – Lạng Sơn;
- Bị cáo; người CQLNVLQ;
- Người bào chữa cho bị cáo;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Bản Văn Tiền